



EBOOK NGỮ PHÁP TRỰC QUAN & SƠ ĐỒ TƯ DUY

Phương Pháp Tiếp Thu Ngữ Pháp Qua Khối Hình, Màu Sắc & Sơ Đồ Tư Duy Dành Cho Học Sinh Tiểu Học

Đối tượng: Lớp 2 – Lớp 5 (Ages 7–12)

Mô hình: Color-Coding Syntax & Lego Sentence

Thời lượng ghi nhớ: Nhanh gấp 3 lần học vẹt

Bản quyền: EduCenter.app

PHẦN I: TRIẾT LÝ MÃ HÓA MÀU SẮC NGỮ PHÁP (COLOR-CODING SYNTAX)

Thay vì bắt trẻ thuộc lòng các ký hiệu khô khan như \$S + V + O\$, phương pháp EduCenter phân tách câu tiếng Anh thành 4 khối màu trực quan mà não bộ có thể phân loại tức thì:

■ CHỦ NGỮ (SUBJECT) Ai? Con gì? (Who/What) I, She, The dog, Tom	■ HÀNH ĐỘNG (VERB) Làm gì? (Action/State) eats, is running, played	■ TÂN NGỮ (OBJECT) Cái gì bị tác động? an apple, a car, milk	■ NƠI CHỖN / THỜI GIAN Ở đâu? Khi nào? in the park, yesterday
--	---	---	--

PHẦN II: SƠ ĐỒ TƯ DUY 4 THÌ ĐỘNG TỪ CỐT LỖI TIỂU HỌC

1. THÌ HIỆN TẠI ĐƠN (PRESENT SIMPLE) — "VÒNG LẶP THÓI QUEN" 🕒

Routine & Fact

Hình ảnh tư duy: Chiếc đồng hồ báo thức lặp đi lặp lại hành động mỗi ngày.

- Quy tắc "Siêu nhân S": Ngôi thứ 3 số ít (*He, She, It, The cat*) rất cô đơn \$ o\$ Cần người bạn "Siêu nhân S/ES" đi cùng:
👉 *He **plays** football every afternoon.*
- Nhóm đông người (*I, You, We, They*): Đã có nhiều bạn bè \$ o\$ Không cần siêu nhân S:
👉 *They **play** football.*
- Từ nhận biết qua tranh: *always* (100% ★★★★★), *usually* (80%), *sometimes* (50%), *never* (0% ✖).

2. HIỆN TẠI TIẾP DIỄN (PRESENT CONTINUOUS) — "ĐOÀN TÀU ĐANG CHẠY" 🚂

Right Now!

Hình ảnh tư duy: Một bức ảnh chụp lại hành động đang chuyển động ngay trước mắt.

- Quy tắc Đoàn Tàu 2 Toa:
🚂 Toa 1 (Đầu máy To Be): *am / is / are*
📦 Toa 2 (Thùng hàng V-ing): *eating, swimming, reading*
- Cảnh báo bẫy: Không bao giờ được quên Đầu máy hoặc Toa hàng:
✖ *Tom reading a book.* (Thiếu đầu máy 'is' \$ o\$ Tàu không chạy!)
✔ *Tom **is reading** a book right now.*

3. THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN (PAST SIMPLE) — "CỔ MÁY THỜI GIAN" ⌚

Past Time

Hình ảnh tư duy: Cánh cửa thần kỳ Doraemon đưa ta về *Yesterday* (Hôm qua), *Last week* (Tuần trước).

- Động từ có quy tắc: Thêm đuôi -ed (*play \$ o\$ played, wash \$ o\$ washed*).
- Biến hình bất quy tắc (Phép thuật biến hình):
🔮 *go \$ o\$ **went** | see \$ o\$ **saw** | eat \$ o\$ **ate** | have \$ o\$ **had** | buy \$ o\$ **bought***

PHẦN III: INFOGRAPHIC PHÂN BIỆT CÁC CẶP CẤU TRÚC HAY NHẦM

Cặp Cấu Trúc	Hình Ảnh Gợi Nhớ	Ví Dụ Chuẩn Xác
There is vs. There are	There is = 1 quả táo (Số ít/Không đếm được)	• There is an orange on the table. • There are five oranges in the basket.
A / An vs. Some / Any	There are = Nhiều quả táo A/An = 1 cái đơn lẻ Some = Câu khẳng định (+) Any = Câu phủ định (-) & hỏi (?) Bậc thang so sánh:	• I have an apple and some milk. • Do you have any pencils? • There aren't any books.
Comparative vs. Superlative	1. Tall (Cao) 2. Taller than (Cao hơn ai) 3. The tallest (Cao nhất cả lớp)	• Nam is taller than Lan. • Minh is the tallest student in class.

SƠ ĐỒ CHÚ MÈO & CHIẾC HỘP MA THUẬT (GIỚI TỪ VỊ TRÍ)

 IN Trong hộp	 ON Trên mặt hộp	 UNDER Dưới đáy hộp	 BEHIND Phía sau hộp	 NEXT TO Bên cạnh hộp
----------------------------	-------------------------------	----------------------------------	-----------------------------------	------------------------------------

PHẦN IV: THƯ VIỆN KHỐI GHÉP CÂU LEGO (LEGO SENTENCE BUILDING)

My father	is driving	a blue car	to work.
Two monkeys	were eating	sweet bananas	at the zoo yesterday.
We	will visit	our grandparents	this weekend.

PHẦN V: THỬ THÁCH NGỮ PHÁP HÌNH ẢNH MINI (KÈM GIẢI THÍCH LOGIC)

- [Present Simple]:** She usually (walk / walks) to school with her brother.
👉 **Đáp án:** **walks** — Giải thích: Chủ ngữ "She" là ngôi thứ 3 số ít, cần "Siêu nhân S".
- [Present Continuous]:** Look! The baby (sleeps / is sleeping) in the cradle.
👉 **Đáp án:** **is sleeping** — Giải thích: Có từ cảm thán "Look!" báo hiệu hành động đang xảy ra trước mắt.
- [A / An]:** Would you like (a / an) orange or a glass of water?
👉 **Đáp án:** **an** — Giải thích: Từ "orange" bắt đầu bằng nguyên âm O (trong cụm U-E-O-A-I).
- [There is / are]:** (There is / There are) many beautiful flowers in the park.
👉 **Đáp án:** **There are** — Giải thích: "flowers" có đuôi số nhiều 's', danh từ đếm được số nhiều.
- [Past Simple]:** Last Sunday, my family (go / went / goes) camping near the lake.
👉 **Đáp án:** **went** — Giải thích: Có mốc thời gian quay về "Last Sunday" → Động từ go biến hình thành went.

Học ngữ pháp nhẹ nhàng, tư duy sáng tạo qua phương pháp trực quan hóa sinh động.

Kho tài liệu và bài tập tương tác: <https://educenter.app>

EDUCENTER.APP